

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

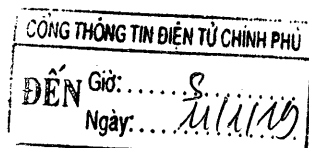
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **01** /2019/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày **03** tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bến Tre



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 2 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5188/TTr-STC ngày 26 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để

cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

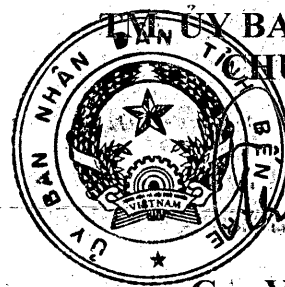
Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2019 và thay thế Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Ngân hàng CSXH Việt Nam;
- Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL- Bộ TP (để kiểm tra);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các sở, ban ngành tỉnh (để thực hiện);
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh (để phối hợp);
- Đài PTTH, Báo Đồng Khởi (để đăng, đưa tin);
- UBND các huyện, TP (để thực hiện);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng: KGVX, TCĐT, TH;
- Ban tiếp công dân (để niêm yết);
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT (Ty).



Cao Văn Trọng

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua
Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các
đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bến Tre**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 01 /2019/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Ủy ban nhân dân các cấp;
- b) Chi nhánh NHCSXH tỉnh; Phòng Giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố;
- c) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện tùy theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể Quỹ giải quyết việc làm địa phương thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 12 Quy chế này.

Chương II **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp

1. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.
2. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội ký hợp đồng ủy thác với Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện.

Điều 4. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Hàng năm, tùy theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương (bao gồm: ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện), Sở Tài chính (đối với ngân sách cấp tỉnh), Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với ngân sách cấp huyện) chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định.

2. Căn cứ để chuyển vốn

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) phê duyệt nguồn vốn ủy thác cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

b) Hợp đồng ủy thác đã ký theo quy định tại Điều 3 Quy chế này.

3. Hình thức cấp phát: Lệnh chi tiền.

4. Hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Cơ quan tiếp nhận nguồn vốn ủy thác

Chi nhánh NHCSXH tỉnh tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp huyện để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

6. Phân bổ nguồn vốn

a) Căn cứ nguồn vốn ngân sách địa phương bổ sung, NHCSXH trình Trưởng ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp phân bổ nguồn vốn ủy thác theo quy định.

b) Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện có trách nhiệm cho các đối tượng vay theo đúng Quyết định phân bổ vốn đã được Trưởng ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp phê duyệt.

Điều 5. Đối tượng cho vay

1. Theo quy định tại Điều 2 Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (gọi tắt Nghị định 78/2002/NĐ-CP).

2. Theo quy định tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định bổ sung các đối tượng chính sách được vay vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để tham gia xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay khác phù hợp thực tế của địa phương.

Điều 7. Mức cho vay

1. Mức cho vay đối với các đối tượng vay vốn theo mức cho vay do NHCSXH Việt Nam công bố từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ.

2. Đối với người tham gia Chương trình khởi nghiệp thoát nghèo thông qua xuất khẩu lao động ở nước ngoài theo hợp đồng: ngoài mức cho vay tối đa theo quy định của nguồn vốn Trung ương, được vay thêm nguồn vốn địa phương theo Quy chế này mà không phải thế chấp tài sản.

Điều 8. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay được thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của NHCSXH Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay đối với từng đối tượng vay cụ thể theo mức lãi suất do NHCSXH Việt Nam công bố từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ.

2. Lãi suất nợ quá hạn đối với từng đối tượng vay cụ thể theo mức lãi suất do NHCSXH Việt Nam công bố từng thời kỳ theo quy định của Chính phủ.

Điều 10. Quy trình, thủ tục cho vay

Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện các quy trình, thủ tục cho vay theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay theo từng thời kỳ, từng chương trình cho vay của các Bộ, ngành liên quan, của NHCSXH Việt Nam từng thời kỳ;

đồng thời chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ vay vốn đảm bảo đúng quy định.

Điều 11. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét quyết định theo quy định của NHCSXH Việt Nam theo từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn: thực hiện theo quy định của NHCSXH Việt Nam từng thời kỳ.

Điều 12. Quản lý và sử dụng lãi tiền vay

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH từng thời kỳ (hiện nay 0,33% trên dư nợ cho vay, không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh). Trường hợp lãi thu được sau khi trích Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

c) Trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương, trong đó:

- Trích tối đa không quá 9% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp.

- Trích tối đa không quá 3% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố.

- Trích tối đa không quá 3% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố.

d) Phần còn lại được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Giao Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố theo dõi và trích phí theo đúng quy định pháp luật.

Điều 13. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

2. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác:

a) Đối với khoản vay thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác: Chi nhánh NHCSXH tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội, Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định;

b) Đối với khoản vay thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác: Phòng Giao dịch NHCSXH huyện phối hợp với Phòng Lao động - Thương Binh và Xã hội, Phòng Tài chính - Kế hoạch và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xem xét, quyết định theo quy định.

3. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh; do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh, cấp huyện, xử lý như sau:

a) Đối với khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung từ nguồn ngân sách cấp tỉnh để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách cấp tỉnh chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

b) Đối với khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Giao dịch NHCSXH báo cáo Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bổ sung từ nguồn ngân sách cấp huyện để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách cấp huyện chuyển qua Phòng Giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố.

6. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

7. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý nợ rủi ro theo quy định.

Điều 14. Chế độ báo cáo

1. Đối với nguồn vốn ủy thác do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 7), hàng năm (trước ngày 15 tháng 01) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Đối với nguồn vốn ủy thác do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố: định kỳ 6 tháng (trước ngày 15 tháng 7), hàng năm (trước ngày 15 tháng 01) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng Giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 15. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính; Phòng Tài chính - Kế hoạch

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh); Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương Binh và Xã hội tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (đối với nguồn vốn ủy thác từ ngân sách huyện):

1. Bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác cho NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

2. Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

3. Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Quy chế này.

4. Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 12 Quy chế này.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Khảo sát, xác định đối tượng vay vốn trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội), Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) xem xét để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

2. Căn cứ vào Quy chế này và vốn ủy thác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với NHCSXH các cấp và các cơ quan, đơn vị có liên quan:

a) Thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro của hộ vay theo đề nghị của Chi nhánh NHCSXH, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố; phúc tra và lập thủ tục xử lý cũng như báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

b) Kiểm tra tình hình và kết quả cho vay của nguồn vốn ủy thác từ ngân sách các cấp. Định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Điều 18. Trách nhiệm của Chi nhánh NHCSXH tỉnh; Phòng Giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố

1. Ký hợp đồng ủy thác với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội; tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương chuyển sang đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

2. Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm cho các đối tượng vay vốn gửi cơ quan tài chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

3. Thực hiện cho vay đúng quy trình nghiệp vụ, cho vay đúng đối tượng, vốn vay sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

4. Phối hợp với cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

5. Lập hồ sơ xử lý nợ rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác đúng quy định.

7. Định kỳ 6 tháng, hàng năm, báo cáo kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH và tham mưu Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện các chương trình tín dụng trong quý I năm sau.

Điều 19. Trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

1. Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

1. Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng Giao dịch NHCSXH các huyện, thành phố thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

2. Rà soát bãi bỏ các quy chế quản lý vốn ủy thác tại địa phương đã ban hành và thực hiện thống nhất các quy định tại Quy chế này.

3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác tại địa phương.

Điều 21. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này; chỉ đạo trưởng ấp, khu phố phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã, Tổ Tiết kiệm và vay vốn bình xét cho vay đúng đối tượng.

2. Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc hộ vay trả lãi, trả nợ đến hạn và nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

3. Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan và có ý kiến về đề nghị xử lý rủi ro của hộ vay; tham gia Tổ đồn đốc thu hồi nợ khó đòi.

Điều 22. Trách nhiệm của người vay

1. Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.
2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích.
3. Hoàn trả nợ gốc và lãi đúng quy định.
4. Thực hiện đầy đủ quy ước hoạt động Tổ Tiết kiệm và vay vốn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Cao Văn Trọng